

Bản án số: 15/2021/HS-ST
Ngày 29 - 4 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Đoàn Hùng Tự

Bà: Nguyễn Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2021/TLST-HS ngày 12 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2021/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 4 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Thào Mí T, tên gọi khác: Không. Sinh ngày 19/10/1999; nơi sinh: Huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn B, xã M, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học V: 5/12; dân tộc: Mông; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thào Nhì S, sinh năm 1970 và bà Thào Thị M (đã chết); vợ con: Chưa có; Bị cáo có 07 anh, chị em, bị cáo là con thứ 02 trong gia đình; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị bắt ngày 21/5/2020, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố H, tỉnh Hà Giang, bị cáo có mặt.

2. Phạm Văn Q, tên gọi khác: Không. Sinh ngày 10/8/1995; nơi sinh: Huyện B, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn 10, xã N, huyện H, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học V: 8/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị T sinh năm 1969; có vợ: Kim Thị H, sinh năm 1996 và con: có 01 con, sinh năm 2007; Gia đình bị cáo có 04 anh chị em, Bị cáo là con thứ 03 trong gia đình; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị khởi tố ngày 30/11/2020, hiện đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt.

*** Bị hại:**

1. Bà Lê Thị Bích H (Đã chết).

- Người đại diện hợp pháp của bà Lê Thị Bích H: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1962 (Chồng bà H); anh Nguyễn Tiến L, sinh năm 1991; chị Nguyễn Hiếu N, sinh năm 2001 (Là các con của bà H). Cùng địa chỉ: Tổ 3 phường Ngọc H, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Ông Nguyễn Văn T là đại diện theo uỷ quyền của anh L và chị N tham gia tố tụng, ông T có mặt.

2. Bà Đặng Thị Nga H1, sinh năm 1971. Địa chỉ: Số 212 Nhà Công vụ, tổ 8 phường Q T, thành phố H, tỉnh Hà Giang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo Thào Mí T:** Bà Nguyễn Thị Hiền, sinh năm 1985 – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Hà Giang, có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

- Hoàng Trung V, sinh năm 1995, nghề nghiệp: Lao động tự do. Địa chỉ: Thôn 9 xã N, huyện H, tỉnh Hà Giang, có mặt.

- Hoàng Văn T1, sinh năm 1996, nghề nghiệp: Lao động tự do. Địa chỉ: Thôn 9 xã N, huyện H, tỉnh Hà Giang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Người làm chứng:**

- Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1963. Địa chỉ: Tổ 3 phường Ngọc H, thành phố H, tỉnh Hà Giang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1963. Địa chỉ: Tổ 3 phường Ngọc H, thành phố H, tỉnh Hà Giang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ, ngày 20/5/2020 Hoàng Trung V cùng Hoàng Văn T1 và Thào Mí T cả ba người cùng nhau đi xe ô tô tải loại xe thùng 1,4 tấn, nhãn hiệu THACO, màu sơn: xanh, biển kiểm soát 29C - 350.94 do V là người điều khiển, đến Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới tỉnh Hà Giang thuộc tổ 18, phường Nguyễn Trãi, thành phố H để làm thủ tục kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày V điện thoại cho Phạm Văn Q là người làm thuê cho V, hẹn Q đến trạm Đăng kiểm để nhận xe mang đi lắp giá hàng và bốc hàng chở đi Mèo Vạc. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày Q đến Trạm đăng kiểm và ngồi uống nước cùng với T, T1 ở quán nước gần trạm đăng kiểm đợi V. Sau khi làm xong thủ tục kiểm định xe ô tô V điều khiển xe đến quán nước chỗ Q, T1 và T đang ngồi. V nói với Q "*đưa xe đi lắp giá hàng trên nóc, rồi đi bốc hàng lên Mèo Vạc, cứ đi T1 sẽ chỉ chỗ bốc hàng*", Q nói "*Ừ*" lúc đó T1 và T cũng đi ra khỏi quán mở cửa bên phụ lên ngồi trong ca bin, Q lên xe mở cửa ngồi vào ghế lái, còn V sau khi giao xe cho Q thì bắt xe đi về nhà tại Thôn 9, xã N, huyện H, tỉnh Hà Giang. Q điều khiển xe ô tô cùng T1 và T đi lắp giá để hàng trên nóc đầu xe, sau đó đến các địa điểm

trong thành phố H nhận và bốc xếp hàng cho khách để vận chuyển lên các huyện Quản Bạ, Yên Minh và Mèo Vạc. Đến khoảng hơn 13 giờ cùng ngày, sau khi nhận hàng xong, Q bắt đầu điều khiển xe ô tô đi theo Quốc lộ 4C, T1 ngồi ghế bên phụ, T ngồi ghế giữa. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, sau khi trả hết hàng cho khách tại thị trấn Mèo Vạc, huyện Mèo Vạc xong Q nói với T1 "*Phanh xe có vấn đề mai xuống thành phố H sửa*". Sau đó Q, T1 và T đưa xe đến Trung tâm dạy nghề huyện Mèo Vạc để ăn tối và nghỉ tại phòng của Nguyễn Thế Hải Hà (*là anh rể của V*).

Đến khoảng hơn 00 giờ, ngày 21/5/2020, T1 nói với Q "*Đi xuống thành phố H sớm để còn sửa phanh xe*" Q đồng ý, T1 gọi T dậy và cùng đi ra xe, Q đi vệ sinh quay lại đã thấy T1 ngồi trên ghế lái, Q không nói gì đi vòng sang bên phụ, mở cửa lên ca bin ngồi vào ghế sát cửa bên phụ, T ngồi ghế giữa. Khi mọi người ổn định T1 bắt đầu điều khiển xe về hướng thành phố H, đi được một đoạn thì Q và T ngủ. Xe đi cách thị trấn Mèo Vạc khoảng 10 km, T1 dừng xe xuống đi vệ sinh, lúc này T tỉnh ngủ nghĩ là T1 mệt nên T sang ghế lái ngồi để điều khiển xe cho T1 ngủ, khi quay lại thấy T đang ngồi trên ghế lái T1 không nói gì, mở cửa bên phụ đi qua người Q vào ngồi ghế giữa. T điều khiển xe đi được khoảng 10 km đến địa bàn xã Lũng Phìn, Huyện Đ, T thấy mệt nên dừng lại đổi cho T1 tiếp tục điều khiển xe. Đến khoảng 02 giờ 30 phút cùng ngày khi xuống đến chân dốc Cổng trời, thị trấn Tam Sơn, huyện Quản Bạ, T1 thấy buồn ngủ nên dừng xe lại bên lề đường, tắt máy xuống xe gọi T dậy và nói "*Sang ghế lái ngồi để anh sang đây ngủ cho thoải mái*", T đồng ý chuyển sang ngồi ghế lái, để T1 ngồi ghế giữa. Khi đổi chỗ T nói với T1 "*có đi luôn không anh*", T1 nói "*ngủ một tý rồi đi*", sau đó cả ba người ngủ trong xe được khoảng 30 phút thì có xe ô tô tải di chuyển từ hướng thành phố H đến dừng lại đối diện bên kia đường, người lái xe ngược chiều đến gọi hỏi mượn điện thoại để gọi nhờ. T, T1 lần lượt cho mượn điện thoại nhưng máy đều hết tiền không gọi được, Q bảo người đàn ông đó đọc số để Q bấm bằng máy của Q gọi hộ nhưng cũng không gọi được nên người đó lên xe đi. T không ngủ được lúc đó khoảng hơn 03 giờ ngày 21/5/2020 nên đã nổ máy điều khiển xe di chuyển về hướng thành phố H, Q đang ngủ thấy xe ô tô di chuyển Q nói "*Đi chậm chậm thôi*" và ngủ tiếp. T không nói gì, tiếp tục điều khiển xe đến chân dốc Cổng Trời thuộc địa bàn xã Quyết Tiến, huyện Quản Bạ thấy quán nước bên đường mở cửa T dừng xe gọi mua một bao thuốc lá, Q hỏi T "*làm gì mà âm ỉ thế*", T nói "*em mua bao thuốc*" sau đó T tiếp tục điều khiển xe đến km 23, thuộc địa bàn xã Minh Tân, huyện Vị Xuyên. T dừng xe trước cửa quán bán bánh mỳ bên đường và xuống mua một lon nước uống, lúc này Q thức giấc hỏi "*Đến đâu rồi*" T không nói gì vì thấy T1 đã trả lời Q và tiếp tục điều khiển xe đi về thành phố H. Đến khoảng hơn 05 giờ cùng ngày T điều khiển cho xe di chuyển vào trục đường 3/2 thuộc địa bàn tổ 08 phường Q, thành phố H, lúc này trời đã sáng. Khi xe đến gần khu vực cổng Bệnh viện Y được cô truyền tỉnh Hà Giang với tốc độ khoảng 30 km/giờ. Tại thời điểm đó, ông Nguyễn Văn T3, bà Lê Thị Bích H (*là vợ ông T3*) và bà Đặng Thị Nga H1 đang đi bộ cùng chiều sát mép đường bên phải, gần đến đầu cầu 3/2, cách khoảng hơn 100 mét T nhìn thấy có người đi bộ phía trước và vẫn tiếp tục điều khiển xe di chuyển cách khoảng 40 mét, lúc này T bị rơi vào trạng thái

ngủ không ý thức, mắt nhắm và không làm chủ được hành động, để xe di chuyển tự do trên đường. Khi ông T3 vừa đi đến điểm tiếp giáp giữa đường với đầu cầu 3/2, bà H đang đi dưới lòng đường sát vỉa ba toa, bà H đi song song sát phía bên trái bà H1 cách phía sau ông T3 khoảng 05 mét, cách đầu lan can bên phải cầu 3/2 khoảng 05 mét, thì xe ô tô do T điều khiển đang di chuyển phía sau lao tới treo lên vỉa hè, phần ba đòn sóc phía trước xe đâm vào phía sau bà H1 và bà H đang đi bộ cùng chiều. Khi bị xe ô tô đâm bà H1 văng bật qua vỉa hè, rơi vào các bụi dây leo mọc ở khu vực tả luy âm bên phải đầu cầu gây thương tích, còn bà H mắc vào ba đòn sóc xe ô tô bị đẩy đi ép vào đầu lan can bên phải cầu tử vong tại chỗ. Do đầu xe đâm mạnh vào đầu thành cầu, làm T bị đẩy người về phía trước, cầm đập mạnh vào vô lăng T mới tỉnh ngủ, Q và T1 bị đập đầu vào kính chắn gió phía trước mới tỉnh ngủ. Lúc này T, T1 và Q mới biết là đã xảy ra tai nạn, hậu quả:

- Về người: Bà Lê Thị Bích H tử vong tại chỗ; Bà Đặng Thị Nga H1, bị nhiều vết bầm tím, sưng nề, trầy xước da, tại các vùng: Đùi mắt phải, tai phải, tay trái, mu bàn chân trái, lưng, mông.

- Về tài sản: Xe ô tô, nhãn hiệu THACO, loại xe tải có mui, tải trọng 1,4 tấn, màu sơn xanh, biển kiểm soát 29C-350.94 bị hư hỏng. Tại bản kết luận định giá tài sản số: 41 ngày 10/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản thành phố H kết luận: Tổng giá trị tài sản khôi phục lại tình trạng giá trị thiệt hại trên thực tế của xe ô tô là: 22.850.000 đồng (*Hai mươi hai triệu, tám trăm năm mươi ngàn đồng chẵn*). Đối với hư hỏng tại vị trí đầu thành cầu 3/2, ngày 13/7/2020 cơ quan CSĐT công an thành phố H đã có biên bản làm việc với đại diện cơ quan Quản lý đô thị thành phố H là đơn vị quản lý cầu 3/2 nhưng đơn vị không có yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Theo Biên bản khám nghiệm hiện trường vào hồi 06 giờ, ngày 21/5/2020: Hiện trường nơi xảy ra tai nạn tại đầu cầu 3/2 thuộc trục đường 3/2 tổ 8 phường Q T, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Đoạn đường xảy ra tai nạn là đoạn đường thẳng trải nhựa Apphan, mặt đường rộng 12,9m, kích thước mặt cầu rộng 10,1m.

Bản kết luận giám định pháp y tử thi số: 158/KLPY-PC09, ngày 26/5/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang, kết luận: Nguyên nhân chết của Lê Thị Bích H: Tổn thương đứt rời cơ thể, trên người bị đa chấn thương. Tại bản Kết luận giám định pháp y về ADN số 191/20/TC-ADN, ngày 01/6/2020, của Viện Pháp y quốc gia - Bộ Y tế, kết luận: ADN của chất bám dính màu nâu đỏ thu tại hiện trường và xe ô tô trùng khớp hoàn T1 với ADN của Lê Thị Bích H.

Ngày 03/8/2020, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trưng cầu Trung tâm Giám định pháp y tỉnh Hà Giang, để Giám định tỷ lệ phần trăm thương tích của bà Đặng Thị Nga H1, nhưng bà H1 xin từ chối giám định và không có yêu cầu, đề nghị gì về việc bồi thường thương tích.

Tại bản Cáo trạng số 05/CT-VKS-TPHG ngày 11/01/2021 Viện kiểm sát nhân dân thành phố H đã truy tố các bị cáo:

1. Bị cáo Thào Mí T về tội "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường*

bộ", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự.

2. Bị cáo Phạm Văn Q về tội *"Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ"*, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 264 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo Thào Mí T; Phạm Văn Q đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan Cảnh sát điều tra, phù hợp với tài liệu chứng cứ chứng minh do cơ quan Điều tra thu thập được về thời gian, địa điểm, hành vi mà các bị cáo đã thực hiện cũng như vật chứng thu giữ được. Các bị cáo xác nhận chưa bồi thường được cho gia đình bị hại khoản tiền nào vì điều kiện của các bị cáo đặc biệt khó khăn, các bị cáo đi làm thuê kiếm sống hàng ngày không có thu nhập ổn định và không có tài sản gì nên mặc dù rất muốn đền gia đình bị hại để xin lỗi mà chưa thể thực hiện được, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trách nhiệm bồi thường của chủ xe Hoàng Trung V.

Tại phiên tòa chủ xe Hoàng Trung V nhất trí liên đới chịu trách nhiệm bồi thường cho gia đình bị hại theo quy định của pháp luật, anh V trình bày hiện nay anh không có tài sản gì, từ khi bị thu giữ chiếc xe anh không có việc làm nên đã đi làm thuê, thu nhập cũng không ổn định. Hiện tại chỉ có chiếc xe ô tô đã gây ra tai nạn là tài sản duy nhất, anh đề nghị giải quyết việc bồi thường theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H sau phần xét hỏi và tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Thào Mí T; Phạm Văn Q về tội danh, điều luật như nội dung cáo trạng đã nêu. Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố: Bị cáo Thào Mí T phạm tội *"Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ"*; Bị cáo Phạm Văn Q phạm tội *"Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ"*;

2. Hình phạt:

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; điểm s khoản 1, Điều 51; Điều 38, Điều 50 BLHS xử phạt bị cáo Thào Mí T từ 04 đến 05 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt. Do bị cáo là lao động tự do, điều kiện hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn. Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 260 BLHS đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 264; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36, Điều 50 BLHS xử phạt bị cáo Phạm Văn Q từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo là người lao động tự do, không có thu nhập ổn định, do đó đề nghị miễn khẩu trừ thu nhập theo khoản 3 Điều 36 và không áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 4 Điều 264 BLHS.

3. Về dân sự:

- Áp dụng Điều 30 BLTTHS, các Điều 288, 591, 601 BLDS đề nghị chấp nhận yêu cầu của đại diện bị hại, buộc các bị cáo Thào Mí T, Phạm Văn Q và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Hoàng Trung V phải liên đới bồi thường thiệt hại cho đại diện bị hại bao gồm các khoản sau: Các chi phí hợp lý

cho việc mai táng và Tiền bù đắp tổn thất tinh thần tương đương với 60 tháng lương cơ sở theo quy định của nhà nước.

Trong đó xác định phần lỗi của bị cáo Thào Mí T là 50%; Bị cáo Phạm Văn Q là 20% và của người có nghĩa vụ liên quan là Hoàng Trung V 30% tương ứng với tổng số tiền phải bồi thường.

4. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị tuyên trả cho Hoàng Trung V 01 xe ô tô BKS 29C-350.94 và toàn bộ giấy tờ, tài liệu theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/01/2021 giữa Cơ quan CSĐT Công an thành phố H và Chi cục thi hành án dân sự thành phố, nhưng đề nghị tạm giữ để đảm bảo thi hành án đối với toàn bộ số tiền mà các bị cáo Thào Mí T, Phạm Văn Q và chủ xe Hoàng Trung V phải liên đới bồi thường cho gia đình bị hại.

5. Án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí HSST và án phí DSST có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Thào Mí T đồng thuận với quan điểm của Đại diện VKS tham gia phiên tòa về tội danh, Điều luật áp dụng và đề nghị HĐXX xem xét các điều kiện để giảm nhẹ mức hình phạt đối với bị cáo. Đề nghị áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo Thào Mí T 03 năm tù. Vì điều kiện gia đình bị cáo có hoàn cảnh rất khó khăn, nhận thức pháp luật còn hạn chế lại cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn do đó đề nghị HĐXX miễn án phí cho bị cáo T; Về phần bồi thường dân sự đề nghị HĐXX căn cứ các quy định của pháp luật để giải quyết.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện Kiểm sát.

Tại phiên tòa đại diện bị hại ông Nguyễn Văn T có ý kiến: Về mức án đề nghị HĐXX giải quyết theo các quy định của pháp luật đảm bảo đúng với hành vi của các bị cáo. Đề nghị các bị cáo và chủ xe phải bồi thường cho gia đình bị hại các khoản tiền chi phí mai táng và tiền bồi thường tổn thất tinh thần theo quy định của pháp luật, ngoài ra ông T3 đề nghị xem xét bồi thường khoản tiền cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Thị Hiếu N vì hiện nay cháu đang đi học đại học, chưa thể tự mình kiếm sống được vẫn phải bố mẹ chu cấp.

Anh Hoàng Trung V: Nhất trí với đề nghị của VKS về trách nhiệm dân sự, mức bồi thường và về phần tài sản tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Các bị cáo thực hiện quyền nói lời sau cùng trước khi HĐXX nghị án:

- Bị cáo Thào Mí T: Bị cáo nhận thấy việc làm của bị cáo đã vi phạm pháp luật nhưng do nhận thức pháp luật còn hạn chế nên bị cáo đã phạm tội, bị cáo rất hối hận và gửi lời xin lỗi đến gia đình bị hại, mong được hưởng khoan hồng của pháp luật, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ tội cho bị cáo để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội, đi làm kiếm tiền để bồi thường cho gia đình bị hại và trở thành người công dân tốt.

- Bị cáo Phạm Văn Q: Bị cáo xin được hưởng khoan hồng của pháp luật, xét xử bị cáo ở mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) nhận thấy như sau:

[1] Về Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên của cơ quan CSĐT và VKSND thành phố H trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Bị hại bà Đặng Thị Nga H1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng bà H1 đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và đã có lời khai đầy đủ rõ ràng trong hồ sơ, không yêu cầu bồi thường gì khác; vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hoàng Văn T1, người làm chứng bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị L, tuy nhiên những người này đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và đã có lời khai trong hồ sơ vụ án. Xét sự vắng mặt của bà H1, anh T1, bà C, bà L tại phiên tòa không ảnh hưởng đến quá trình xét xử nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt theo khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về căn cứ định tội, định khung hình phạt: Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận T1 bộ hành vi đã thực hiện như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra (BL 288-324; 325-353; 446-449; 454-455), phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường, sơ đồ hiện trường (BL 01-20); Biên bản khám nghiệm tử thi (BL 22-23) và Bản ảnh tử thi (BL 25-32); Biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến tai nạn giao thông + Bản ảnh (BL 34-50); Bản kết luận giám định pháp y tử thi, Kết luận giám định pháp y về ADN; Biên bản xem xét dấu vết thân thể (BL 151-158); Biên bản thực nghiệm điều tra, bản ảnh thực nghiệm điều tra, sơ đồ thực nghiệm điều tra (BL 246-267); lời khai của bị hại (BL 280-287), lời khai người làm chứng (BL 356-359) và những người có liên quan (BL 360-397) cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[4] Đối với hành vi của Thào Mí T điều khiển xe ô tô tham gia giao thông trong trạng thái ngủ gật, đã để xe di chuyển tự do không đúng phần đường, không làm chủ được hành vi, vi phạm quy tắc chung khi tham gia giao thông đường bộ: *Người tham gia giao thông phải đi bên phải theo chiều đi của mình, đi đúng làn đường, phần đường quy định...*, quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật giao thông đường bộ 2008; Đi không đúng phần đường, làn đường gây tai nạn giao thông, vi phạm điểm a khoản 7 Điều 5 Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính Phủ. Điều khiển xe ô tô tham gia giao thông không có giấy phép lái xe theo quy định, vi phạm khoản 9 Điều 8 Luật giao thông đường bộ gây ra hậu quả nghiêm trọng làm chết người. Do đó có đủ yếu tố cấu thành tội: Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 BLHS.

Điều 260 Bộ luật hình sự quy định:

“1.”

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

a) Không có giấy phép lái xe theo quy định;

.....”

[5] Đối với hành vi của Phạm Văn Q, được chủ xe là Hoàng Trung V giao xe cho điều khiển, Q là người lao động làm thuê cho Hoàng Trung V, công việc chính là lái xe vận chuyển hàng đi các huyện vùng cao giao cho khách, nhưng Q là người không có giấy phép lái xe theo quy định của pháp luật, do đó Công an thành phố H đã ra quyết định xử phạt hành chính đối với Phạm Văn Q về hành vi "Điều khiển xe ô tô không có giấy phép lái xe" theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 21 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ là có căn cứ. Ngoài ra trong quá trình quản lý xe do V giao, Q đã để Thào Mí T tự ý điều khiển xe trong khi Q biết T không có giấy phép lái xe theo quy định, mặc dù Q không trực tiếp nói là giao xe cho T điều khiển nhưng khi T lên xe và trực tiếp điều khiển xe Q biết rõ nhưng vẫn bỏ mặc không ngăn cản, chỉ nhắc nhở "*đi chậm chậm thôi*" nghĩa là đã gián tiếp đồng ý để T điều khiển xe ô tô tham gia giao thông, vi phạm Khoản 10 Điều 8 Luật Giao thông đường bộ "*Giao xe cơ giới, xe máy chuyên dùng cho người không đủ điều kiện để điều khiển xe tham gia giao thông đường bộ*" dẫn đến việc T điều khiển xe tham gia giao thông gây tai nạn chết người. Bản thân Q có đủ năng lực nhận thức quy định của pháp luật nghiêm cấm người chưa có giấy phép lái xe điều khiển xe ô tô tham gia giao thông. Nhưng do Q quá chủ quan vì bản thân Q cũng không có giấy phép lái xe mà vẫn lái xe tham gia giao thông và nhiều lần thấy T trực tiếp điều khiển xe bình thường, nên không nghĩ đến hậu quả nguy hiểm có thể xảy ra. Vì vậy hành vi của Phạm Văn Q đã xâm phạm vào những quy định của Nhà nước về an toàn giao thông đường bộ, đủ yếu tố cấu thành tội: Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 264 Bộ Luật hình sự.

Điều 264 Bộ luật hình sự 2015 quy định:

“1. Người chủ sở hữu, quản lý phương tiện tham gia giao thông đường bộ mà giao cho người không có giấy phép lái xe hoặc người đang trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức quy định hoặc có sử dụng chất ma túy hoặc các chất kích thích mạnh khác hoặc không đủ các điều kiện khác theo quy định của pháp luật điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm:

a) Làm chết 01 người hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;

.....”

[6] Như vậy Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố bị cáo Thào Mí T về tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ, quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 và Phạm Văn Q về tội Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ, quy định tại điểm a khoản 1 Điều 264 Bộ Luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội theo quy định của pháp luật.

[7] Xét thấy, hành vi của các bị cáo là nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự an toàn giao thông công cộng, vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ, gây thiệt hại về tính mạng và tài sản của người khác. Hậu quả xảy ra do lỗi vô ý của các bị cáo, bản thân các bị cáo đủ nhận thức được việc khi tham gia giao thông phải tuân thủ nghiêm chỉnh quy định của Luật giao thông đường bộ nhưng các bị cáo đã quá chủ quan, không tuân thủ nghiêm các quy định khi tham gia giao thông. Bị cáo Thào Mí T điều khiển phương tiện tham gia giao thông không có giấy phép lái xe; điều khiển xe ô tô trong trạng thái ngủ gật, không đảm bảo điều kiện về sức khỏe, không đảm bảo điều kiện nhận thức và làm chủ được hành động của mình khi điều khiển xe để xe ô tô di chuyển tự do đi sai phần đường, lấn sang phần đường dành cho người đi bộ gây tai nạn giao thông dẫn đến hậu quả chết người. Bị cáo Phạm Văn Q là người có trách nhiệm trong việc quản lý xe, mặc dù biết bị cáo T không có giấy phép lái xe theo quy định nhưng bị cáo đã chủ quan, để mặc bị cáo T điều khiển xe ô tô, hậu quả bị cáo T đã gây ra tai nạn giao thông gây hậu quả nghiêm trọng. Điều đó cho thấy các bị cáo chưa có ý thức bảo vệ tính mạng, sức khỏe của chính mình và của người khác. Vì vậy hành vi của các bị cáo cần phải được xử lý bằng hình sự với mức hình phạt tương xứng, nhằm giáo dục các bị cáo thành những công dân tốt, tôn trọng và chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật và để giáo dục, phòng ngừa chung.

[8] Đối với Hoàng Văn T1: Là người tự ý điều khiển xe ô tô không có giấy phép lái xe theo quy định, đi từ huyện Mèo Vạc về đến thị trấn Tam Sơn, huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang. Đã vi phạm khoản 9 Điều 8 Luật giao thông đường bộ và điểm b khoản 8 Điều 21 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ, ngày 11/12/2020 Công an thành phố H đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi "*Điều khiển xe ô tô không có giấy phép lái xe*", quy định tại điểm b khoản 8 Điều 21 Nghị định 100/2019/NĐ-CP, ngày 30/12/2019 của Chính phủ là phù hợp. Ngoài hành vi điều khiển xe ô tô không có giấy phép lái xe, trong quá trình điều khiển xe ô tô đi từ Huyện Mèo Vạc về thành phố H, Hoàng Văn T1 đã hai lần để bị can Thào Mí T tự ý điều khiển xe ô tô mà không ngăn cản, dẫn đến việc T đã gây tai nạn chết người. Tuy nhiên T1 không được V và Q giao xe để quản lý và điều khiển, hành vi của T1 không đủ yếu tố cấu thành tội "*Giao xe cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ*" theo Điều 264 Bộ luật Hình sự, do đó Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ.

[9] Đối với bị hại bà Đặng Thị Nga H1, vắng mặt tại phiên toà nhưng bà H1 đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và quá trình điều tra vụ án bà H1 đã có lời khai đầy đủ rõ ràng trong hồ sơ, bà không có yêu cầu bồi thường do đó HĐXX không đề cập giải quyết.

[10] Đối với Hoàng Trung V: Là chủ xe ô tô biển kiểm soát 29C - 350.94, V đã giao xe cho Phạm Văn Q là người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ (*không có giấy phép lái xe*), tuy nhiên quá trình Q điều khiển xe tham gia giao thông không để xảy ra tai nạn. Hành vi của V không đủ căn cứ cấu thành tội "*Giao xe cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ*", theo Điều 264 BLHS năm 2015. Nhưng hành vi đó đã vi phạm quy định điểm h khoản 8 Điều 30 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP, ngày 30/12/2019 của Chính phủ "*Giao xe cho người không có giấy phép lái xe phù hợp điều khiển xe tham gia giao thông đường bộ*". Ngày 11/12/2020 Công an thành phố H đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền đối với Hoàng Trung V là có căn cứ, đúng pháp luật.

[11] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và hình phạt đối với các bị cáo: Bị cáo Thào Mí T, bị cáo Phạm Văn Q không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trước cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay cả hai bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Đối với bị cáo Phạm Văn Q được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ "*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*" quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS.

[12] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo là lao động tự do, có điều kiện hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn. Do đó không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[13] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra đại diện gia đình bị hại có yêu cầu các bị cáo và chủ phương tiện phải liên đới bồi thường cho bị hại các khoản với tổng số tiền là 442.710.000đ, tuy nhiên tại phiên tòa các bị cáo và chủ xe có ý kiến về việc hoàn cảnh của các bị cáo và chủ xe thật sự khó khăn, không có điều kiện để đáp ứng được các yêu cầu bồi thường của đại diện bị hại, do đó không thoả thuận được về phần bồi thường thiệt hại đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật. Tại biên bản ghi lời khai ngày 22/4/2021 và tại phiên tòa đại diện hợp pháp của bị hại ông Nguyễn Văn T3 có ý kiến đề nghị chủ phương tiện và các bị cáo phải liên đới bồi thường cho gia đình ông các khoản chi phí mai táng và bồi thường tổn thất tinh thần theo quy định của pháp luật: Tổng số tiền chi phí mai táng là 25.710.000,đ; Tiền bù đắp tổn thất tinh thần tương đương với 60 tháng lương cơ sở theo quy định của nhà nước. Xét thấy các chi phí hợp lý cho việc mai táng có đầy đủ hoá đơn, chứng từ và tiền bồi thường tổn thất tinh thần cho gia đình bị hại tương ứng với 60 tháng lương cơ sở là phù hợp vì xét thấy điều kiện hoàn cảnh của các bị cáo và chủ xe là thật sự khó khăn, do đó HĐXX xem xét, căn cứ theo quy định tại Nghị định số 38/2019/NĐ-CP, ngày 09/5/2019 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; căn cứ Điều 591 của Bộ luật dân sự để giải quyết, cụ thể: Mức lương cơ sở áp dụng hiện nay là 1.490.000đ x 60 tháng = 89.400.000đ. Đối với yêu cầu cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Thị Hiếu N, HĐXX thấy rằng cháu N đã đủ 18 tuổi, hiện nay đang theo học đại học, cháu có đủ sức khỏe, đủ năng lực pháp luật nên không thuộc đối tượng được bồi thường khoản tiền cấp dưỡng, mặt khác điều kiện hoàn cảnh của chủ xe và các bị cáo thật sự khó khăn không có khả năng để thoả thuận bồi thường theo yêu cầu của đại diện

bị hại, do đó HĐXX không có căn cứ để chấp nhận. Như vậy tổng số tiền các bị cáo và chủ xe phải liên đới bồi thường cho gia đình bị hại là 115.110.000,đ (Một trăm mười lăm triệu, một trăm mười nghìn đồng).

[14] HĐXX xét thấy bị cáo Thào Mí T là người trực tiếp gây ra thiệt hại, do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm về phần lỗi lớn hơn, tương đương với 50% mức bồi thường là phù hợp; Đối với bị cáo Phạm Văn Q là người được V giao xe, trong quá trình di chuyển mặc dù Q không trực tiếp nói là giao xe cho T điều khiển nhưng khi T lên xe và trực tiếp điều khiển Q biết rõ nhưng không ngăn cản, bỏ mặc cho T lái xe và đã gây ra hậu quả, do đó Q phải liên đới chịu trách nhiệm bồi thường tương đương với 20% mức bồi thường; Đối với chủ phương tiện là Hoàng Trung V có lỗi khi giao xe cho Phạm Văn Q là người không có giấy phép lái xe để làm thuê chở hàng đi các huyện vùng cao cho mình, Q không trực tiếp gây ra tai nạn do đó V không phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình, nhưng xuất phát từ lỗi của V và căn cứ theo quy định tại Điều 601 của Bộ luật dân sự, buộc V phải chịu trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại tương đương mức bồi thường là 30%. Tuy nhiên V là chủ xe và là người có tài sản vì vậy cần buộc V phải chịu trách nhiệm thi hành toàn bộ số tiền bồi thường cho gia đình bị hại, T và Q phải có trách nhiệm hoàn trả cho V số tiền mà V đã thi hành thay theo quy định của Điều 288 Bộ luật dân sự.

[15] Về vật chứng: Quá trình điều tra và tại phiên toà hôm nay người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hoàng Trung V xác nhận chiếc xe ô tô BKS 29C-350.94 và T1 bộ giấy tờ, tài liệu kèm theo xe cơ quan điều tra đã thu giữ là tài sản thuộc quyền sở hữu của V, HĐXX sẽ xem xét quyết định trả lại tài sản cho Hoàng Trung V theo quy định tại khoản 2 Điều 47 BLHS là phù hợp. Tuy nhiên xét thấy chủ xe Hoàng Trung V là người có nghĩa vụ liên đới bồi thường trách nhiệm dân sự cho bị hại và thực tế Hoàng Trung V, các bị cáo Thào Mí T và Phạm Văn Q chưa thực hiện việc bồi thường cho gia đình bị hại, vì vậy để đảm bảo cho việc thi hành án HĐXX cần xem xét giao cho cơ quan Thi hành án dân sự thành phố H tạm giữ chiếc xe ô tô nói trên để đảm bảo cho việc thi hành án đối với toàn bộ số tiền phải bồi thường cho gia đình bị hại.

[16] Về án phí: Xét thấy đề nghị của trợ giúp viên pháp lý tại phiên toà về việc đề nghị miễn án phí cho bị cáo Thào Mí T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên HĐXX chấp nhận. Bị cáo Phạm Văn Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch; Chủ xe Hoàng Trung V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[16] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 260, khoản 1 Điều 264, Điều 38, Điều 36, khoản 1 Điều 50, Điều 51, **Điều 47** của Bộ luật hình sự; **Điều 106**; Điều 135; khoản 1, khoản 2 Điều 136; Điều 331, Điều 333 và Điều 337 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 288, Điều 584, Điều 591, Điều 601 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm a, điểm c khoản 1 Điều 23; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Thào Mí T phạm tội "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*"; Bị cáo Phạm Văn Q phạm tội "*Giao xe cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ*".

2. Hình phạt:

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 260; điểm s khoản 1, Điều 51; Điều 38, Điều 50 BLHS xử phạt bị cáo Thào Mí T 04 (*Bốn*) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, ngày 21/5/2020. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Căn cứ khoản 1 Điều 264; điểm i, s khoản 1, Điều 51; Điều 36, Điều 50 BLHS xử phạt bị cáo Phạm Văn Q 09 (*Chín*) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã N, huyện H, tỉnh Hà Giang nhận được bản án, quyết định thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ của bị cáo Phạm Văn Q. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo và không áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 4 Điều 264 BLHS.

3. Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận yêu cầu bồi thường của đại diện bị hại. Buộc các bị cáo Thào Mí T, Phạm Văn Q và chủ xe ô tô Hoàng Trung V phải liên đới bồi thường thiệt hại cho đại diện bị hại (*Ông Nguyễn Văn T3, anh Nguyễn Tiến L, chị Nguyễn Thị Hiếu N*) tổng số tiền là 115.110.000,đ (*Một trăm mười năm triệu, một trăm mười nghìn đồng*). Trong đó: Phần của bị cáo Thào Mí T phải chịu là: 57.555.000,đ (*Năm mươi bảy triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn đồng*); Chủ xe Hoàng Trung V phải chịu là: 34.533.000,đ (*Ba mươi tư triệu năm trăm ba mươi ba nghìn đồng*); Bị cáo Phạm Văn Q phải chịu là: 23.022.000,đ (*Hai mươi ba triệu không trăm hai mươi hai nghìn đồng*).

4. Về xử lý vật chứng: Tuyên trả cho Hoàng Trung V 01 xe ô tô, nhãn hiệu THACO, loại xe tải có mui, tải trọng 1,4 tấn, màu sơn: xanh, biển kiểm soát: 29C - 350.94; Số khung: RNHA500AKEC020724; Số máy: JT653995 và T1 bộ giấy tờ, tài liệu kèm theo.

Tình trạng tài sản, vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Công an thành phố H và Chi cục thi hành án dân sự thành phố H ngày 14 tháng 01 năm 2021.

Nhưng tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án đối với toàn bộ số tiền phải liên đới bồi thường cho đại diện bị hại.

4. Về án phí: - Miễn toàn bộ án phí HSST và án phí DSST có giá ngạch cho bị cáo Thào Mí T;

- Bị cáo Phạm Văn Q phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.150.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch;
- Hoàng Trung V phải chịu 1.726.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

5.Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Thào Mí T, Phạm Văn Q; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Trung V, đại diện bị hại ông Nguyễn Văn T3 có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Đặng Thị Nga H1, anh Hoàng Văn T1 vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND thành phố H;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Công an thành phố H (02 bản);
- Trại tạm giữ CATP;
- Người bào chữa;
- Cơ quan THAHS;
- Chi cục THADS TP;
- Sở Tư pháp tỉnh HG;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu: HS, THA phạt tù.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Mỹ Lệ